

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Tú P, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020 (BL18) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Tú P trình bày: Vào năm 2013, chị Phan Tú P kết hôn với anh Trần Văn T và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/5/2013. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2019 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người đã ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Ngọc Bảo T2 (Nữ), sinh ngày 16/3/2014 và cháu Trần Ngọc Thiên T2 (Nữ), sinh ngày 12/10/2018 hiện các cháu đang do chị P nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T. Về con chung cháu Trần Ngọc Bảo T2, Trần Ngọc Thiên T2 đang sống chung với chị P nên chị P yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, về nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P, đồng thời anh T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc Bảo T2 (Nữ), sinh ngày 16/3/2014 và cháu Trần Ngọc Thiên T2 (Nữ), sinh ngày 12/10/2018 cho chị P nuôi dưỡng đến khi các cháu Bảo T2, Thiên T2 đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Bảo T2 nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau cháu Bảo T2 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Tú P nhận thấy hôn nhân của chị P và anh T là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2013. Quan hệ hôn nhân của chị P và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị P nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên có nguyện vọng ly hôn. Chị P và anh T đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên chị P suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T, nhưng chị P vẫn cương quyết ly hôn, từ đó

cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị P và anh T có 02 người con chung tên Trần Ngọc Bảo T2 (Nữ), sinh ngày 16/3/2014 và cháu Trần Ngọc Thiên T2 (Nữ), sinh ngày 12/10/2018 chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và tại biên bản ghi ý kiến của cháu Trần Ngọc Bảo T2, cháu Bảo T2 trình bày nếu cha mẹ cháu Bảo T2 không còn chung sống với nhau cháu Bảo T2 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Bảo T2, cháu Thiên T2 không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Trần Ngọc Bảo T2 (Nữ), sinh ngày 16/3/2014 và cháu Trần Ngọc Thiên T2 (Nữ), sinh ngày 12/10/2018 cho chị P nuôi dưỡng. Xét thấy, chị P hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị P khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Tú P đối với bị đơn anh Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Tú P được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Bảo T2 (Nữ), sinh ngày 16/3/2014 và cháu Trần Ngọc Thiên T2 (Nữ), sinh ngày 12/10/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu Bảo T2, Thiên T2 đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Bảo T2, Trần Ngọc Thiên T2 của chị P thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị P khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Tú P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0006528, ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND Phường B, TXVC;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng